

NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

Công an Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ khám sức khỏe cho cán bộ, chiến sỹ; Công an Thanh Hóa trân trọng đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá với các nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục các vật tư, hóa chất yêu cầu báo giá:

TT	Tên hóa chất, vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
I. HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α, Hãng SX: NIHON KONDEN				
1	Hóa chất dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	ml	144.000
2	Hoá chất rửa thường dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	ml	5.000
3	Hóa chất dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	ml	5.000
4	Dây bơm Máy xét nghiệm huyết học Celltac Alpha	Dây có độ bền cao, độ đàn hồi tốt Kích thước: chiều dài ~ 10.5cm	Cái	1
II. HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER				
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 μ kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 μ kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 μ kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L);	ml	875
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 μ mol/L ; phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Uricase \geq 0.25 kU/L (4.15 μ kat/L);	ml	480
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH \geq 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	ml	750

8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH \geq 0.9 kU/L; MDH \geq 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	ml	800
9	Chất định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 μ mol/L ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	ml	1.428
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP \geq 2,0 mmol/L, Hexokinase \geq 0,59 kU/L, G6P-DH \geq 1,58 kU/L	ml	640
11	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.	ml	5
12	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật.	ml	5
13	Hóa chất chuẩn dành cho các xét nghiệm thường quy	Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.	ml	5
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol: Xét nghiệm tuyến tính trong phạm vi nồng độ 0.5-18mmol/L	ml	225
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Gamma Glutamyl transferase (GGT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L	ml	960
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ure/Urea nitrogen	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH \geq 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate \geq 9.8 mmol/L ;Urease \geq 17.76 kU/L; GLDH \geq 0.16 kU/L	ml	212
17	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%	ml	5.000
18	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L;	ml	576
19	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).	ml	6
20	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL.. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người).	ml	2

21	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L	ml	576
22	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người)	ml	10
23	Dây bơm Máy xét nghiệm sinh hóa AU480	Làm bằng cao su và nhựa, dài 10.5cm; Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	2
III. VẬT TƯ Y TẾ				
24	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 5ml. Đầu kim vát 3 cạnh. Thân kim: làm bằng thép không gỉ và không bị oxy hóa. Vỏ bơm tiêm: Làm bằng nhựa y tế, không có chất gây sốt, độc tố, kim loại nặng, không chứa DEHP. Đóng gói vô trùng	Cái	2.800
25	Bông hút nước y tế	Bông hút nước y tế thành phần chính Cellulose. * Chỉ tiêu chất lượng: 1/ Các sợi khác: Không có sợi nào nhuộm màu 2/ Chất màu chiết được: Dung dịch màu trắng đến vàng nhạt 3/ Chất tan trong ether: không quá 0,5% KL 4/ Chất tan trong nước: Không quá 0,5% KL 5/ Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8% KL 6/ Tro sulfat: Không quá 0,4% KL 7/ Tốc độ thấm hút: ≤ 8 giây	Kg	5
26	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nội soi	Thành phần: 2% Glutaraldehyde dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563 Tái sử dụng trong 30 ngày	Lít	5
27	Phim XQ khô 25 x 30 cm	Phim X- quang laser kích thước 25x30 cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fuji. Mật độ quang tối đa 3.3	Tờ	1.350
28	Ống EDTA nắp cao su	Ống nghiệm nhựa Polyethylene Terephthalate. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu từ 2.0ml đến 8ml - Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Tripotasium (EDTA K3) - Nắp đậy ống nghiệm: nắp cao su bọc nhựa, nắp xoắn vặn.	Cái	2.800
29	Que đũa lưỡi gỗ	Chất liệu gỗ. Kích thước 150mm x 2mm x 20mm. Đóng gói vô trùng	Cái	2.800

30	Găng khám bệnh	Găng tay có bột, thành phần latex cao su có hàm lượng Protein thấp. Hàm lượng bột: tối đa 10mg/dm ² Cỡ số (rộng; dài tối thiểu): Cỡ 6 (≤ 82 mm; 220mm); Cỡ 6,5 (83 ± 5 mm; 220mm); Cỡ 7 (89 ± 5 mm; 230mm); Cỡ 7,5 (95 ± 5 mm; 230 mm); Cỡ 8 (102 ± 6 mm; 230mm); Cỡ 8,5 (108 ± 6 mm; 230mm) Lực kéo đứt và độ giãn dài khi đứt của găng tay; Độ bền kéo và độ giãn dài khi đứt của găng tay: tối thiểu phải đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam về găng tay khám bệnh (TCVN 13397:2021)	Đôi	3.000
31	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, không có Formaldehyde, vô khuẩn. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6,5-7,5	Lít	10
32	Ống Heparin	* Kích thước 12x75mm. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na ⁺ , K ⁺ , Ca ²⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺ . * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu.. * Ống nghiệm nhựa chịu được lực quay ly tâm 4000 vòng/phút trong thời gian 5 phút.	Cái	2.800
33	Khẩu trang dùng 1 lần	Có 02 lớp vải không dệt và ở giữa là lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm. Vải không dệt Giấy lọc kháng khuẩn, dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	3.000
34	Giấy siêu âm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony, Mistubishi + Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. + Kích thước 110 mm \times 20 m	Cuộn	52
35	Cồn 70	Nồng độ hàm lượng Ethanol đạt: 70%. - Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng - Quy cách: Can 30 lít - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016	Lít	30
36	Dây garo	Chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính hai đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể dùng lại nhiều lần	Cái	5
37	Cốc đựng mẫu (Sample cup)	Màu sắc trong suốt, dung tích 2ml, chiều dài 40mm, đường kính 12mm. Dùng trong phòng xét nghiệm y tế	Cái	2.500
38	Đầu côn xanh	Chất liệu PP (Polypropylen) trong suốt, màu xanh da trời, được dùng để lắp đồng bộ với pipet 1000 μ m dùng để hút, lấy mẫu các loại dung dịch.	Cái	3.000

2. Địa điểm thực hiện: Công an tỉnh Thanh Hóa (15A Hạc Thành, Phường Ba Đình, TP Thanh Hóa).

3. Hiệu lực của Báo giá: 90 ngày.

4. Yêu cầu về chào giá:

- Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định và các chi phí khác.

- Các hàng hóa chào giá phải ghi đầy đủ mã sản phẩm, xuất xứ.

5. Thời gian thực hiện: Trong vòng 7 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

6. Thời gian tiếp nhận báo giá: Trước 15 giờ ngày 02 tháng 8 năm 2023.

7. Địa điểm tiếp nhận báo giá: Phòng Hậu cần, Công an tỉnh Thanh Hóa, 15A Hạc Thành, Phường Ba Đình, Thành Phố Thanh Hóa, Điện thoại: 069.2889258

CÔNG AN TỈNH THANH HÓA